

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CỜ ĐỎ
TP. CẦN THƠ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT ANH
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 175/2020/HNGĐ-ST

Ngày 29-7-2020

V/v ly hôn giữa anh C và chị L

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT ANH**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CỜ ĐỎ, THÀNH PHỐ CẦN THƠ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Minh Viễn

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Huỳnh Thanh Vũ

2. Ông Nguyễn Văn Thơm

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hoài Thương - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cờ Đỏ, thành phố Cần Thơ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cờ Đỏ, thành phố Cần Thơ tham gia phiên tòa: Ông Lưu Quốc Phú - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 7 năm 2020, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cờ Đỏ, thành phố Cần Thơ xét xử sơ thẩm vụ án thụ lý số 33/2020/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 02 năm 2020 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, chia tài sản khi ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 89/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 6 năm 2020 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Anh Nguyễn Văn C, sinh năm 1978. Nơi cư trú: Ấp TP, xã TT huyện CD, thành phố Cần Thơ “có mặt”

2. *Bị đơn:* Chị Thái Ngọc L, sinh năm 1989. Nơi cư trú: Ấp TP, xã TT, huyện CD, thành phố Cần Thơ “vắng mặt”.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại Đơn khởi kiện ngày 03/02/2020, quá trình tố tụng và tại phiên tòa, nguyên đơn anh Nguyễn Văn C trình bày: Anh và chị L xác lập hôn nhân năm 2000, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Vợ chồng có thời gian chung sống hạnh phúc nhưng gần đây phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do bất đồng quan

điểm, vợ chồng thường xuyên cãi vã bất hòa. Vợ chồng ly thân từ năm 2018 đến nay. Xét thấy, vợ chồng không còn tình cảm, không thể tiếp tục chung sống cùng nhau nên anh C xin ly hôn.

Về nuôi con chung: Anh, chị có 02 con chung tên Nguyễn Văn L, sinh ngày 23/3/2001 và Nguyễn Văn V, sinh ngày 14/3/2003, con đang sống cùng mẹ.

Về chia tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nghĩa vụ trả nợ: Không có.

Bị đơn chị Thái Ngọc L được triệu tập hợp lệ để tiến hành hòa giải nhưng vắng mặt, không có ý kiến gì về việc xin ly của anh C.

Tại phiên tòa:

Anh C giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn. Con chung đồng ý giao cháu Vĩnh cho chị L nuôi dưỡng. Tài sản chung không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nghĩa vụ trả nợ: Không có.

Chị L vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cờ Đỏ, thành phố Cần Thơ tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: Về tố tụng, việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và việc tuân theo pháp luật của người tham gia tố tụng từ khi thụ lý vụ án đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về nội dung: Qua phân tích đánh giá chứng cứ, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh C đối với chị L. Cho anh C và chị L ly hôn. Con chung đề nghị giao cháu Vĩnh cho chị L nuôi dưỡng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng. Tòa án nhân dân huyện Cờ Đỏ, thành phố Cần Thơ nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị L là bị đơn được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt, không có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Căn cứ vào Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt chị L.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Anh, chị xác lập hôn nhân năm 2000, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Vợ chồng có thời gian chung sống hạnh phúc đến năm 2018 phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm, vợ chồng hay xảy ra cãi vã bất hòa. Anh C xác định tình cảm vợ chồng giữa anh và chị L

không còn cơ hội để đoàn tụ nên xin ly hôn. Chị L được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt, không có ý kiến về việc xin ly hôn của anh C. Xét thấy, hôn nhân giữa anh C và chị L đã nhiều lần xảy ra mâu thuẫn nhưng anh chị không biện pháp khắc phục, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, anh chị đã có thời gian ly thân kéo dài, hiện tại ai cũng có cuộc sống riêng. Do đó, căn cứ vào Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu xin ly hôn giữa anh C và chị L.

[2.2] Về nuôi con chung: Vợ chồng có 02 con chung cháu Nguyễn Văn L đã trưởng thành, cháu Nguyễn Văn V sinh ngày 14/3/2003 đang sống cùng mẹ. anh C không tranh chấp quyền nuôi con nên giao cháu V cho chị L nuôi dưỡng.

[2.3] Về chia tài sản: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[2.4] Về nghĩa vụ trả nợ: Không có.

[3] Về án phí: Anh Nguyễn Văn C phải nộp án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28; Điều 35; Điều 39; Điều 227; Điều 228; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84 Luật Hôn nhân gia đình; Điều 17 Luật Phí và lệ phí; Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của anh Nguyễn Văn C đối với chị Thái Ngọc L.

Cho anh Nguyễn Văn C ly hôn với chị Thái Ngọc L.

2. Về nuôi con chung: Giao cháu Nguyễn Văn Vĩnh sinh ngày 14/3/2003 cho chị L nuôi dưỡng. Chị L không có ý kiến về việc cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét.

Anh C được quyền thăm và chăm sóc con chung không ai có quyền cản trở.

3. Về chia tài sản: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Nghĩa vụ trả nợ: Không có.

5. Về án phí: Anh Nguyễn Văn C phải nộp 300.000đồng án phí sơ thẩm ly hôn, được trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000đồng anh C đã nộp theo biên lai thu số 013002 ngày 20/02/2020.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Án xử công khai, tuyên án có mặt nguyên đơn, vắng mặt bị đơn.

Nguyên đơn có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; Bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được niêm yết tại Ủy ban nhân dân nơi cư trú hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện CĐ;
- TAND TP. Cần Thơ;
- Chi cục THADS huyện CĐ;
- UBND xã nơi đăng ký kết hôn;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Minh Viễn